

Chủ trương của Đảng về tôn giáo đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh

PGS, TS. DOÃN THỊ CHÍN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Email: doanthichin68@gmail.com

TS. TRẦN THỊ THUÝ NGỌC

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Nhận ngày 21 tháng 12 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 02 năm 2024.

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng, Người hầu như không đề cập đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo thuần túy dưới góc độ tôn giáo học, mà Người thường đề cập đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong mối quan hệ với những nhiệm vụ chính trị cụ thể. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo thấm đậm tư tưởng nhân văn sâu sắc, xét đến cùng là vì sự nghiệp giải phóng con người. Với cách nhìn mới rất đúng đắn, rất lịch sử cụ thể trong điều kiện xã hội Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao tự do tín ngưỡng, tôn giáo; nhấn mạnh tính tương đồng giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội, vận động đồng bào có đạo tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội mới là con đường đúng đắn gắn bó tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, qua đó góp phần làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng, chống phá chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Từ khóa: tôn giáo, đồng hành, dân tộc, CNXH, Hồ Chí Minh.

Abstract: President Ho Chi Minh was a revolutionary figure who rarely addressed matters of belief or religion from a perspective of religious studies. Instead, he often discussed belief and religion in relation to specific political tasks. Ho Chi Minh's thoughts on belief and religion are deeply imbued with profound humanitarian ideals, ultimately for the cause of human liberation. With a very accurate and historically specific perspective within the conditions of Vietnamese society, the Communist Party of Vietnam consistently upholds freedom of belief and religion, emphasizing the similarities between religion and socialism. Mobilizing people with positive religious beliefs to actively participate in the construction of a new society is the correct path to align religion in harmony with the nation, thereby contributing to thwarting the hostile forces' schemes of exploiting religion to sabotage the revolution and oppose socialism.

Keywords: religion, in harmony with, nation, socialism, Ho Chi Minh.

1. Quan điểm Hồ Chí Minh về tôn giáo đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác đã sớm nhận thấy tầm quan trọng, cũng như những ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội, với cách mạng vô sản của giai cấp công nhân. Giữa CNXH và tôn giáo, xét về bản chất, là hai hệ tư tưởng khác nhau. Thế giới quan của chủ nghĩa duy vật và thế giới quan của tôn giáo có sự khác biệt, đó là sự khác biệt thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

biện chứng, giữa vô thần và hữu thần.

Bản thân các nhà kinh điển là những lãnh tụ của giai cấp công nhân, nên phải trang bị cho giai cấp công nhân quốc tế thế giới quan duy vật, cho nên các ông thường nhấn mạnh đến sự đối địch, khác biệt về thế giới quan giữa tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản, không để tôn giáo ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân. C.Mác, Ph.Ăngghen và Lênin chủ yếu nhìn tôn giáo từ góc độ hình thái ý thức xã hội. Trong tác

phẩm *Bàn về lịch sử Đạo Cơ đốc sơ kỳ*, năm 1894, Ph.Ăngghen đã đưa ra sự so sánh quan trọng: “Đạo Cơ đốc tìm sự giải thoát ấy trong cuộc sống trên trời, ở thế giới bên kia sau khi chết, còn chủ nghĩa xã hội thì tìm nó ở thế giới bên này, ở việc tổ chức lại xã hội”⁽¹⁾. Lênin là người phê phán rất sớm khuynh hướng tư tưởng muốn kết hợp chủ nghĩa xã hội với tôn giáo đầu thế kỷ XX trong giới trí thức Nga. Trong *Thư gửi Lunatscxki* (1908), Lênin khẳng định: “Con đường của tôi không giống với con đường của các nhà truyền cho sự [kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với tôn giáo] của tất cả những người theo chủ nghĩa Makhơ”⁽²⁾. Điều đó cho thấy các nhà kinh điển chỉ thấy mặt mâu thuẫn xã hội đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo, không thừa nhận bất cứ mẫu số chung nào giữa hai hệ thức ấy nên khiến cho vấn đề đã bị đẩy sang phía tả khuynh.

C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, không có sự dung hợp giữa chủ nghĩa cộng sản và tôn giáo. Theo các nhà kinh điển, tôn giáo thường hướng mục tiêu con người tìm hạnh phúc ở thế giới “bên kia” thứ hạnh phúc “hư ảo của nhân dân” trong khi CNXH hướng con người vào cuộc cách mạng nhằm xây dựng “thiên đường” nơi trần thế.

Lênin đã nhấn mạnh rằng, người cộng sản đòi hỏi sự tách biệt giáo hội khỏi nhà nước, nhà thờ khỏi trường học, bảo đảm tự do tín ngưỡng, mọi công dân có quyền lựa chọn tôn giáo, đồng thời xóa bỏ tình trạng giáo hội “thống soái” mọi tín ngưỡng, giáo hội đều bình đẳng với nhau. Lênin đã khẳng định, quan điểm mác-xít về lập trường, phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo: Giai cấp vô sản tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của quần chúng. Tôn giáo là việc tư nhân đối với nhà nước, chứ không phải là việc tư nhân đối với các Đảng của giai cấp công nhân. Luận điểm có tính chất cương lĩnh đầu tiên của Đảng Bôn-sê-vích Nga về tôn giáo được Lênin nêu ra trong bài báo *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo* (1905):

Nhà nước không được dính đến tôn giáo, các đoàn thể tôn giáo không được dính đến chính quyền nhà nước. Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mà mình thích, hoặc không thừa

nhận một tôn giáo nào, nghĩa là người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần.

Lênin đề cập đến vấn đề tôn giáo trong điều kiện của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã diễn ra trong hiện thực, việc bảo vệ quan điểm của chủ nghĩa Mác về tôn giáo đặt ra vấn đề cấp bách gắn liền với bảo vệ thành quả cách mạng.

Tôn giáo và cách mạng xã hội chủ nghĩa về cơ bản có nhiều điểm khác biệt, nhưng xét về mục tiêu hướng tới cũng có nhiều điểm tương đồng nhất định. Tôn giáo và chủ nghĩa xã hội đều phản ánh khát vọng về sự giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bất công, nô dịch và nghèo khổ. Bản thân các vị giáo chủ và chức sắc tín đồ đã có sự hy sinh cho lý tưởng cũng giống như những người chiến sĩ cách mạng. Thực chất, tôn giáo và chủ nghĩa xã hội đều là phong trào phản kháng của giai cấp bị trị, với mục đích đem lại sự tự do và hạnh phúc cho người lao động. Ngoài ra, ở đó còn có điểm tương đồng về giá trị văn hóa, đạo đức. Bản thân giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội đều đặt con người vào vị trí trung tâm, đều quan tâm đến con người và mong muốn con người hạnh phúc, điều đó thể hiện tính tương đồng, tính nhân văn sâu sắc.

Khi tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm ra con đường cho cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đứng trên lập trường của người mác-xít để luận giải các vấn đề dân tộc và thời đại. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh và đề cao các giá trị nhân văn, những tinh hoa trong các tôn giáo. Người viết “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”⁽³⁾. Ở đây có sự gặp gỡ, tính tương đồng giữa lý tưởng chủ nghĩa xã hội với tư tưởng nhân đạo của Giêsu, tư tưởng từ bi hỷ xả, bình đẳng của Phật Thích Ca, tư tưởng xã hội “hòa mục xã hội” của Nho giáo. Với tầm nhìn của vị lãnh tụ vượt qua những thiên kiến tôn giáo, giai cấp và dân tộc để thấy được giá trị tích cực của tôn giáo, tầm nhìn của đỉnh cao văn hóa nhân loại, song tầm nhìn đó được dựa trên chủ nghĩa yêu nước chân chính, kết hợp với hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hồ Chí Minh luôn gắn liền vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng với độc lập dân tộc và CNXH. Điều quan trọng hơn là Hồ Chí Minh luôn đặt nó trong vấn đề đại đoàn kết dân tộc phục vụ sự nghiệp cứu nước, giành độc lập dân tộc và cũng là điều kiện tiên quyết cho quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam. Vận dụng sáng tạo học thuyết mác - xít về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh không đặt vấn đề tiêu vong tôn giáo, không cường điệu vô thần - hữu thần, chủ nghĩa duy vật - chủ nghĩa duy tâm, mà người nhấn mạnh: tự do tín ngưỡng tôn giáo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Sự sáng tạo vĩ đại của Hồ Chí Minh là Người đã khẳng định nét tương đồng giữa lý tưởng, khát vọng của tôn giáo chân chính với khát vọng lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản đều phấn đấu vì hạnh phúc con người:

Mục đích Chính phủ ta theo đuổi là chiến đấu vì nền độc lập và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Song, để đạt tới hạnh phúc đó cho mọi người thì cần phải xây dựng CNXH. Nếu đức Chúa Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi khổ đau của người đương thời, chắc ngài sẽ là một người XHCN đi theo con đường cứu khổ loài người⁽⁴⁾.

Đây là một trong những nét đặc sắc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Giữa Hồ Chí Minh và các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác có sự thống nhất là phải vận động được quần chúng có đạo tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng, đó chính là con đường duy nhất để mang lại hạnh phúc thực sự cho con người. Nhưng ở Hồ Chí Minh có điểm khác biệt là Người luôn nhấn mạnh, đề cao điểm tương đồng giữa tôn giáo và CNXH - đây là điểm đặc sắc và sáng tạo của Hồ Chí Minh qua thực tiễn cách mạng Việt Nam; quan điểm này xuyên suốt trong mọi suy nghĩ, ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề tôn giáo ở Việt Nam; trong khi C.Mác, Ph.Ăngghen và Lênin lại nhấn mạnh đến sự khác nhau, sự đối địch giữa tôn giáo với chủ nghĩa cộng sản.

Hồ Chí Minh khẳng định, mỗi tôn giáo dù hướng đức tin đến mỗi vị giáo chủ khác nhau, có phương pháp tu hành khác nhau nhưng các tôn giáo

đều có chung khát vọng là giải phóng con người, hướng con người đến điều thiện, để đem lại hạnh phúc cho con người. Theo Hồ Chí Minh [Phật sinh ra cũng để nhằm lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha] Đức Giêsu sinh ra cũng là mưu [hạnh phúc cho con người, phúc lợi cho xã hội] Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan giữa đồng bào có đạo và đồng bào không có đạo, nhưng điều đó không cản trở sự đóng góp công sức của họ vào sự nghiệp cách mạng. Thậm chí, theo quan điểm của Hồ Chí Minh sẽ không có một cản trở nào với người có đạo muốn trở thành đảng viên cộng sản, nguyên tắc là lợi ích của dân tộc phải được đảm bảo. Không những thế Hồ Chí Minh còn sẵn sàng kết nạp tín đồ các tôn giáo đứng trong hàng ngũ của Đảng. Việc kết nạp đảng viên có đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ: [Có anh em hỏi một người Công giáo có thể vào Đảng Lao động không? Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng⁽⁵⁾].

Khi đất nước đang bị thực dân đô hộ thì Hồ Chí Minh cần tập hợp đại đoàn kết các tầng lớp nhân dân hưởng ứng phong trào cách mạng để giải phóng đất nước. Vì vậy, Người đã không đặt vấn đề đấu tranh về mặt thế giới quan giữa tôn giáo và CNXH; nhất là Việt Nam khi đó dân số đa phần là nông dân, nếu đặt vấn đề đấu tranh về mặt thế giới quan rất phức tạp, dễ dẫn đến hiểu lầm, trong khi đề cao điểm tương đồng giữa tôn giáo với CNXH thì được nhiều người ủng hộ và noi theo.

Là người cộng sản chân chính, nhà văn hóa, Hồ Chí Minh nhận thấy Việt Nam là một quốc gia nhiều tôn giáo, và lại đa số tín đồ tôn giáo là những người nông dân, người lao động, yêu nước; nếu không ứng xử tốt sẽ dẫn đến hiểu lầm, đưa các tôn giáo đến chỗ xung đột, làm cho sự khác biệt về tôn giáo và cách mạng trở thành mâu thuẫn về chính trị, mà điều này đã từng xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới hậu quả dẫn đến làm các dân tộc suy yếu. Chính vì thế, Hồ Chí Minh rất ít khi đề cập đến sự khác nhau giữa tôn giáo với chủ nghĩa cộng sản, vì nói nhiều đến sự khác nhau đó không có lợi cho sự đoàn kết dân tộc, dễ dẫn đến sự hiểu lầm, xa lánh giữa những người có tôn giáo với những người theo chủ nghĩa vô thần.

Khi tiếp cận tôn giáo dưới góc độ văn hóa - đạo đức, Hồ Chí Minh đề cao những giá trị đạo đức tôn giáo như lòng nhân đạo, tình yêu thương con người, yêu hòa bình, ghét chiến tranh. Những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần cũng mang giá trị cho phát triển văn hóa nhân loại nói chung. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt giữa tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo và cách mạng xã hội chủ nghĩa chính là sự đề cao tính tương đồng, tôn trọng sự khác biệt giữa tôn giáo với CNXH là một quan điểm thể hiện sự vận dụng sáng tạo lý luận về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện hoàn cảnh Việt Nam. Quan điểm này nhìn nhận tôn giáo như một lĩnh vực của văn hóa, có tác dụng tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, vận động đồng bào có đạo đi theo cách mạng.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về tôn giáo đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay

Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ chính trị được thừa nhận là sự đổi mới tư duy của Đảng về tôn giáo. Từ Nghị quyết 24-NQ/TW đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những nhìn nhận mới, tích cực trong chính sách đối với tôn giáo. Những đổi mới nhận thức của Đảng về tôn giáo trở nên khách quan hơn, đúng đắn hơn, vì vậy trở thành trụ cột lý luận cho việc thay đổi ứng xử với tôn giáo trong thực tế.

Nghị quyết 24 đã đưa ra 3 luận điểm đột phá về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng, trong đó:

Một là, khẳng định quan điểm "tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài", quan điểm này lần đầu tiên được chính thức đưa vào Nghị quyết. Quan điểm này phản ánh đổi mới nhận thức của Đảng về tôn giáo, gắn tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, do đó chúng ta phải có thái độ khách quan, khoa học để giải quyết vấn đề tôn giáo.

Hai là, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Lần đầu tiên Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đưa ra quan điểm tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận

nhân dân. Quan điểm nhìn nhận tôn giáo dưới góc độ tâm linh, góc độ văn hóa - có thể coi là quan điểm mới của Đảng ta trong nhận thức về vai trò, chức năng của tôn giáo. Sự khẳng định này tương như đơn giản, song đó là một bước tiến mới về nhận thức lý luận của Đảng ta đối với vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo.

Ba là, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là sự đổi mới trong nhận thức của Đảng ta về vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Lần đầu tiên, trong văn kiện của một đảng cầm quyền vốn là duy vật, vô thần có thái độ cảm thông, chia sẻ với những người có đức tin, không đối lập về mặt ý thức hệ (cộng sản - tôn giáo), về lập trường tư tưởng để thừa nhận lý tưởng, đạo đức của tôn giáo có nhiều điểm tương đồng với lý tưởng của CNXH. Ở đây, quan điểm của Đảng ta là thừa nhận nhiều giá trị đạo đức của tôn giáo, và đó cũng chính là sự vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và cũng là sự kế thừa trực tiếp tư tưởng đặc sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự tương đồng giữa tôn giáo và CNXH. Đạo đức con người mới, con người xã hội chủ nghĩa có những điểm khác biệt với đạo đức tôn giáo, nhưng lại có điểm tương đồng như lòng thương người, đức hy sinh, lòng vị tha, gieo tính thiện, trừ điều ác... Đạo đức xã hội chủ nghĩa là sự kế thừa những tư tưởng đạo đức tiến bộ của nhân loại trong đó có đạo đức tôn giáo. Quan điểm này đã được Đảng ta thể hiện rõ trong các văn kiện Đại hội X và Đại hội XI: "Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo"⁽⁶⁾. Quan điểm này là sự kế thừa trực tiếp quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tương đồng giữa tôn giáo và CNXH. Đây cũng là bước đột phá trong nhận thức của Đảng ta về vai trò của tôn giáo. Bản thân giữa tôn giáo và CNXH đều đặt con người vào vị trí trung tâm, đều quan tâm đến con người và mong muốn con người hạnh phúc, điều đó thể hiện tính tương đồng, tính nhân văn sâu sắc. Quan điểm này của Đảng là sự kế thừa nét đặc sắc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Người luôn nhấn mạnh, đề cao điểm tương đồng giữa tôn giáo và CNXH - quan điểm này xuyên suốt trong mọi suy

nghĩ, ứng xử của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề tôn giáo ở Việt Nam. Việc xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa với mục tiêu giải phóng con người, giải phóng loài người đem lại hạnh phúc chân chính cho người lao động, để họ được hưởng chính thành quả do mình sáng tạo ra, mà "nhiều điều phù hợp" của tôn giáo ở đây cũng chính là khát vọng đem lại hạnh phúc cho chúng sinh, đem lại sự giải thoát cho con người.

Chỉ có thông qua con đường vận động quần chúng, trực tiếp đưa quần chúng, tự giác tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội mới trên cơ sở đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mới làm cho đồng bào có đạo tin tưởng, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, góp phần cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân, làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo chống lại cách mạng, chống lại dân tộc.

Ngày 12/3/2003 tại Hội nghị lần thứ Bảy, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (gọi là Nghị quyết số 25-NQ/TW). Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo có viết: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta"⁽⁷⁾. Đồng bào tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghị quyết này là sự kế thừa, tiếp nối quan điểm đường lối của Nghị quyết 24-NQ/TW, là sự tiếp tục của quá trình đổi mới tư duy của Đảng trên lĩnh vực tôn giáo, nhưng cụ thể và sâu sắc hơn.

Điều đặc biệt, Nghị quyết số 25-NQ/TW coi: "Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung"⁽⁸⁾. Đây là điều Hồ Chí Minh rất coi trọng về điểm tương đồng giữa người không có tín ngưỡng cũng như có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho mọi người. Điều đó làm cho đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau rất phấn khởi, làm cho đồng bào có đạo ngày càng tin tưởng chính sách đối với tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Từ nghị quyết 24 năm 1990 đến nghị quyết số 25 - đây là lần đầu tiên Đảng có một nghị quyết riêng về công

tác tôn giáo - Đảng ta đã ghi thêm một nấc thang mới trong nhận thức lý luận trên lĩnh vực tôn giáo.

Nhìn lại, Nghị quyết 24 lần đầu tiên nêu lên vấn đề "đạo đức tôn giáo", nhưng rất tiến bộ với cách nhìn mới "có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới". Đến chỉ thị 37-NQ/TW năm 1998, đại hội VIII, IX, X khẳng định "phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo. Quá trình phát triển nhận thức, đổi mới quan điểm của Đảng ta về tôn giáo. Có thể khẳng định, lần đầu tiên trong Nghị quyết 24/NQ-TW Đảng ta nêu lên vấn đề "đạo đức tôn giáo", nhưng rất tiến bộ với cách nhìn mới "có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới".

Đến đại hội XI, Đảng ta thể hiện quan điểm không chỉ "phát huy" mà cần "tôn trọng" những giá trị ấy. Như vậy, muốn phát huy thì trước tiên cần phải tôn trọng những giá trị đạo đức tôn giáo. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII năm 1996, có nêu "đồng bào có đạo và các vị chức sắc tôn giáo" sống tốt đời đẹp đạo. Đại hội IX năm 2001 nhắc lại mệnh đề trên; Đại hội X năm 2006, có nhấn mạnh đến trách nhiệm của hệ thống chính trị "động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo". Đại hội XI năm 2011, khẳng định lại quan điểm trên và bổ sung thêm đối tượng để động viên là "các tổ chức tôn giáo" được Nhà nước công nhận. Trong những năm qua, số các tổ chức tôn giáo thực hiện hành đạo đúng đắn theo tinh thần ích nước, lợi đạo ngày một tăng. Nhiều vị chức sắc tôn giáo đã gắn việc đời với việc đạo; cho đến nay ở Việt Nam có tới 43 tổ chức của 16 tôn giáo khác nhau được Nhà nước công nhận về tổ chức. Đồng bào có đạo ra sức hoạt động xã hội, góp phần xứng đáng vào việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đảng ta đã có cách nhìn mới đối với các tổ chức tôn giáo hợp pháp, đó là nhà nước không chỉ thừa nhận, bảo hộ mà còn "quan tâm và tạo mọi điều kiện cho các tổ chức tôn giáo"⁽⁹⁾.

Đảng ta đã thừa nhận giá trị đạo đức của tôn giáo "đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới". Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vấn đề tôn giáo được đặt trong vấn đề đoàn kết dân

tộc. Thực tế, ở nhiều vùng đồng bào tôn giáo cho thấy, tình hình an ninh trật tự tốt, tệ nạn xã hội ít, lao động sản xuất giỏi. Những điểm tích cực này góp phần vào sự ổn định chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng. Nếu ta biết nắm lấy những điểm tương đồng và phát huy những mặt tích cực trong đồng bào các tôn giáo, sẽ tạo ra động lực lớn để đồng bào gắn bó với công cuộc đổi mới, và qua đổi mới đồng bào sẽ tự đổi mới chính mình.

Sự phát triển tư duy lý luận về tôn giáo ngày càng sâu sắc, rõ nét và cụ thể hơn qua các kỳ Đại hội Đảng, nhất là Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về việc *tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới* có điểm rất mới với quan điểm coi "tôn giáo là một nguồn lực xã hội" Tôn giáo là một nguồn lực xã hội to lớn với số lượng chức sắc, chức việc cùng đông đảo tín đồ đã và đang có những đóng góp to lớn cho sự phát triển xã hội.

Tiếp thu tinh thần của Chỉ thị số 18-CT/TW, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng khóa XIII đã xác định "tôn giáo là một nguồn lực xã hội" là một minh chứng cho chức sắc, tín đồ tôn giáo đã và đang tham gia đóng góp to lớn cho phát triển đất nước. Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021) đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới đó là tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Đến nay, bức tranh đời sống tôn giáo có nhiều điểm sáng, thúc đẩy tôn giáo đi liền với dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng bào các tôn giáo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, những tương tôn giáo sẽ mất đi, mà tôn giáo ngày càng phát triển mạnh mẽ với nhiều biểu hiện phức tạp. Trước tình đó, Đảng ta khẳng định tôn giáo còn tồn tại lâu dài, tôn giáo sẽ đồng hành cùng dân tộc và tôn giáo là nhu cầu tinh thần tất

yếu của một bộ phận nhân dân. Chừng nào, khi cơ sở của tôn giáo còn tồn tại thì khi đó tôn giáo vẫn đồng hành cùng dân tộc.

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác - Lênin, sự kế thừa trực tiếp những tinh hoa trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. Với việc tìm kiếm những giá trị tương đồng giữa tôn giáo và CNXH, chính điều đó được xem như chỗ bắt gặp, phương tiện quan trọng để người mácxít có thể đối thoại, vận động đồng bào có đạo vào mặt trận cách mạng. Cho đến nay quan điểm này vẫn còn nguyên giá trị được Đảng ta vận dụng tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo đồng hành với dân tộc.

Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn có cái nhìn về tôn giáo một cách khách quan, khai thác các mặt tương đồng giữa những tư tưởng tiến bộ, nhân văn của các tôn giáo với ý thức hệ của CNXH. Đảng ta đã khai thác toàn diện quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, vận dụng sáng tạo trong điều kiện đặc thù của cách mạng Việt Nam vượt qua cách nhìn chính trị - tôn giáo quen thuộc để có cách nhìn mới, trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu tôn giáo như một nhu cầu chính đáng, tất yếu của quần chúng nhân dân./.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, T.22, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.663.

(2) V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, T.47, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, tr.198.

(3) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.7, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.95.

(4) Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia- Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1998), *Hồ Chí Minh và vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.79.

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, T.8, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.200.

(6), (9) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.245, 81.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Ban chấp hành Trung ương khóa IX, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.48.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Ban chấp hành Trung ương khóa IX, *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7*, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr.49.